

Bản án số: 177/2018/HS-ST

Ngày 16 – 10 – 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Kha

Ông Võ Thanh L1

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thúy Dung, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Nhi – Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

Trong các ngày 15, 16 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 156/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 612/2018/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

Triệu Hiệp Ng, sinh năm: 1975, tại Cà Mau (có mặt).

Nơi đăng ký thường trú: Số 24, Ph Ng H, khóm 2, phường 5, thành phố C, tỉnh Y; nghề nghiệp: Cán bộ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Công Kh và bà Tôn Thị Nh (đã chết); có vợ là Huỳnh Vũ Mai Kh1 (đã ly hôn) và 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bắt tạm giam ngày 21/5/2018 đến nay.

- Bị hại: Chị Dương Thị G, sinh năm: 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 127, Tr B Tr, khóm 5, phường 5, thành phố C, tỉnh Y.

Chị Lâm Mỹ L, sinh năm: 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 162, B Th Tr, khóm 6, phường 5, thành phố C, tỉnh Y.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Hà Hoàng N, sinh năm: 1959 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 95A, L Th K, khóm 7, phường 6, thành phố C, tỉnh Y.

Anh Huỳnh Thanh Ph, sinh năm: 1978 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 02, B Th Tr, khóm 4, phường 5, thành phố C, tỉnh Y.

Anh Lữ Thanh L1, sinh năm: 1972 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Hẻm 130, Ng Đ Ch, khóm 8, phường 8, thành phố C, tỉnh Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 5 năm 2014, chị Dương Thị G hỏi ông Hà Hoàng N có quen biết ai nhờ xin việc làm cho Dương Ngọc Đ là em ruột của G, tốt nghiệp Đại học Tài chính Kế toán chưa có việc làm, xin vào làm cơ quan nhà nước. Ông N đến gặp Huỳnh Thanh Ph hỏi Ph có quen biết ai nhờ xin việc làm cho em ông N như chị G đã nhờ. Sau đó, Ph dẫn ông N đến gặp trực tiếp Triệu Hiệp Ng trao đổi xin việc làm cho Dương Ngọc Đ. Ông N nói với Ng có đưa em tên Dương Ngọc Đ, tốt nghiệp Đại học Tài chính Kế toán muốn xin vào cơ quan nhà nước, nhờ Ng giúp xin việc làm. Ng nói với ông N, Ng có quen biết người bạn, Ng hứa giúp xin việc cho Đ vào làm ở Sở Tài chính. Ng đưa ra chi phí xin việc là 50.000.000đ, đưa trước 25.000.000đ để ăn nhậu với Hội đồng xét tuyển, khi nào có quyết định đi làm chính thức thì đưa thêm 25.000.000đ còn lại. Thời hạn xin việc là ba tháng, nếu không xin được việc thì trả tiền lại. Ông N cho bà G hay và bà G đưa hồ sơ của Đ và 25.000.000đ cho ông N.

Đầu tháng 6 năm 2014, ông N đưa cho Huỳnh Thanh Ph hồ sơ xin việc của Dương Ngọc Đ và 25.000.000đ, ông N nhờ Ph đem đưa cho Ng. Sau đó, Ph đưa cho Ng hồ sơ xin việc của Đ và 20.000.000đ tại quán Trúc Xanh trong Nhà văn hóa thiếu nhi tỉnh Cà Mau, Ph giữ lại 5.000.000đ. Thời gian sau, chị G nhờ ông N hỏi em người bạn của G muốn gửi 02 hồ sơ xin việc như của Đ. Ông N nói với Ng có 02 đưa em học chung với Đ muốn xin việc làm vào cơ quan nhà nước, hỏi còn gửi được không, Ng nói còn 02 vị trí cần người. Ông N cho chị G hay, chị G cho chị Lâm Mỹ L hay, Mỹ L đưa hồ sơ của Lâm Thùy L (em ruột Mỹ L), tốt nghiệp Đại học Tài chính Ngân hàng và Võ Đức Ph1 (chồng Thùy L), tốt nghiệp Đại học Công nghệ Thông tin. Chị Mỹ L mượn của chị G 50.000.000đ, nhờ chị G gửi xin việc làm cho Thùy L và Ph1. Chị G đưa 02 hồ sơ của Thùy L, Đức Ph1 và 50.000.000đ cho ông N. Sau đó, Ng nói với ông N là Sở Kế hoạch - Đầu tư thiếu người, đang xét tuyển, Ng hứa xin giúp cho em ông N tốt nghiệp Đại học Tài chính Ngân hàng vào làm việc tại Sở Kế hoạch - Đầu tư, chi phí như cũ (chi phí 50.000.000đ, đưa trước 25.000.000đ). Ông N đưa cho Ng nhận hồ sơ của Lâm Thùy L và 25.000.000đ để Ng xin cho Thùy L vào làm việc tại Sở Kế hoạch - Đầu tư. Hai tuần sau, ông N hỏi còn hồ sơ xin việc còn lại thì Ng nói với ông N là Chi cục Đăng kiểm tỉnh Cà Mau đang thiếu người và Ng hứa xin cho em ông N, tốt nghiệp Đại học Công nghệ Thông tin vào làm Chi cục Đăng kiểm tỉnh Cà Mau. Ông N đưa cho Ng hồ sơ xin việc của Võ Đức Ph1 và 25.000.000đ.

Tổng số tiền Ng nhận xin việc cho Đ, Thùy L, Ph1, chiếm đoạt của chị G và chị Mỹ L (thông qua ông N và Ph giao) là 70.000.000đ.

Chờ lâu không thấy Đ, L, Ph1 có quyết định đi làm, ông N điện thoại hỏi tiến độ xin việc thì Ng nói dối là hồ sơ đã gửi qua Sở Nội vụ, chờ tới đợt thi tuyển công chức, giúp thi đậu rồi đi làm luôn. Sau đó, khi bị ông N hỏi thúc thì Ng nói dối là thi công chức dời qua đầu năm sau (năm 2015). Qua đợt thi công chức nhưng Ng vẫn không xin được việc cho Đ, L, Ph1.

Tháng 7 năm 2015, ông N đến TĐCM thưa Ng nhận 75.000.000đ của ông N, hứa xin việc cho 03 người em ông N nhưng xin không được, không trả lại tiền. Ngày 18/01/2016, Ủy ban kiểm tra - Đảng ủy Dân chính đảng ban hành Quyết định kỷ luật đảng đối với Triệu Hiệp Ng, hình thức cảnh cáo. Ngày 12/4/2016, Ng hoàn trả cho ông N 10.000.000đ; tháng 5/2016, trả tiếp 3.000.000đ thì không trả tiếp. Khi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cà Mau khởi tố vụ án, thì ngày 04/12/2017, Ng mới trả cho ông N thêm 62.000.000đ. Ngày 10/4/2017, Ủy ban kiểm tra - Đảng ủy Dân chính đảng chuyển hồ sơ Triệu Hiệp Ng đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cà Mau để xử lý, vì có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Ngày 10/01/2018, Đảng ủy Dân chính đảng tỉnh Cà Mau đã khai trừ đảng Triệu Hiệp Ng.

Đối với Triệu Hiệp Ng cho rằng 03 hồ sơ xin việc của Đ, L, Ph1 là Ng đưa cho anh Lữ Thanh L1, sinh năm 1972, ngụ khóm 8, phường 8, thành phố C cùng số tiền 49.000.000đ để L1 xin việc cho Đ vào Sở Tài chính, Thùy L vào Sở Kế hoạch - Đầu Tư, Ph1 vào làm Đăng kiểm Cà Mau (từng lần đưa tiền cho L1 tại các bản khai là khác nhau), Ng chặn lại chiếm đoạt 21.000.000đ tiêu xài cá nhân và L1 đã trả lại cho Ng 20.000.000đ nhưng Ng không trả lại cho ông N mà tiêu xài hết. Ng khai đưa hồ sơ và tiền cho L1 nhưng không có gì chứng minh và cũng không ai chứng kiến. Qua đối chất giữa Ng với L1, anh L1 không có nhận hồ sơ và tiền của Ng để xin việc làm cho 03 trường hợp trên. Qua xác minh Sở Tài chính, Sở Kế hoạch - Đầu tư, Chi cục Đăng kiểm tỉnh Cà Mau, trả lời năm 2014, không có xét tuyển công chức, viên chức, không thông qua thi tuyển và không có nhận hồ sơ xin việc của Dương Ngọc Đ, Lâm Thùy L, Võ Đức Ph1. Qua xác minh Sở Nội vụ, trả lời danh sách thí sinh nộp hồ sơ và dự thi tuyển công chức năm 2014, không có tên Dương Ngọc Đ, Lâm Thùy L, Võ Đức Ph1. Những thông tin Ng đưa ra là gian dối nhằm chiếm đoạt tiền của bị hại để chi xài cho mục đích cá nhân.

Ngày 14/5/2018, ông Hà Hoàng N giao lại 75.000.000đ cho chị Dương Thị G. Sau đó, chị G nộp lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cà Mau. Ngày 15/5/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cà Mau giao trả lại cho chị G số tiền 75.000.000đ. Hiện chị G và chị Mỹ L không yêu cầu về trách nhiệm dân sự đối với Triệu Hiệp Ng.

Ngày 16/7/2018, Huỳnh Thanh Ph đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cà Mau giao nộp số tiền 5.000.000đ. Hiện Cơ quan điều tra đang nhập kho vật chứng chờ xử lý.

Tại cáo trạng số: 158/CT-VKSTPCM ngày 10/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau đã truy tố Triệu Hiệp Ng về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với Triệu Hiệp Ng theo cáo trạng số: 158/CT-VKSTPCM ngày 10/8/2018 và đề nghị:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Triệu Hiệp Ng phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Về hình phạt: Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự 1999: Xử phạt bị cáo Triệu Hiệp Ng từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo số tiền 5.000.000đ.

Đối với Huỳnh Thanh Ph không có chức năng xin việc cho Đ nhưng có hành vi chiếm giữ số tiền 5.000.000đ của chị G đưa xin việc cho Đ là không trong sáng nên đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cà Mau ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Ph là có cơ sở.

Ý kiến bị hại yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Triệu Hiệp Ng theo quy định của pháp luật, không yêu cầu bị cáo Ng bồi thường trách nhiệm dân sự.

Ý kiến của Lữ Thanh L1 xác định hoàn toàn không nhận hồ sơ và tiền của Ng giao cho. Việc Ng khai báo có giao hồ sơ và tiền để xin việc cho Đ, L, Ph1 là bịa đặt, không có căn cứ.

Ý kiến của Huỳnh Thanh Ph cho rằng việc giữ lại số tiền 5.000.000đ là do sợ Ng không xin việc được cho Đ nên giữ lại, nếu Ng không xin được thì còn tiền trả cho Đ. Nay thấy hành vi giữ tiền là không đúng nên đồng ý bị xử phạt hành chính cho nhớ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, Ng vụ liên quan không khiếu nại gì về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử xét thấy các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp, được thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định.

[2] Về tư cách bị hại trong vụ án: Do chị Dương Thị G và chị Lâm Mỹ L là những người trực tiếp bị thiệt hại về tài sản do Triệu Hiệp Ng chiếm đoạt nên chị G và chị L được xác định là bị hại trong vụ án là phù hợp.

[3] Đối với bị hại là chị Dương Thị G và chị Lâm Mỹ L, người có quyền lợi, Ng vụ liên quan ông Hà Hoàng N vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy

quá trình điều tra đã có lời khai của họ nên việc vắng mặt của chị G, chị L và ông N không ảnh hưởng đến nội dung xét xử vụ án nên căn cứ quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị G, chị L và ông N theo luật định.

[4] Tại phiên tòa, bị cáo Triệu Hiệp Ng thừa nhận do hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn, không tiền chi phí sinh hoạt gia đình và sửa chữa quán cà phê, lợi dụng sự quen biết, tin tưởng của ông N nên bị cáo đưa ra thông tin gian dối là sẽ xin việc giúp cho người quen ông N vào làm việc tại các cơ quan nhà nước như Sở Tài chính, Sở Kế hoạch - Đầu tư, Chi cục Đăng kiểm tỉnh Cà Mau, dù bị cáo biết rằng bản thân không có khả năng xin việc cho người khác và thực tế các cơ quan nói trên không có nhận hồ sơ xét tuyển, không tổ chức thi tuyển, nhận việc nhằm chiếm đoạt của chị Dương Thị G, chị Lâm Mỹ L số tiền 70.000.000đ, trong đó nhận từ anh Ph 20.000.000đ, nhận từ ông N 50.000.000đ để chi xài cá nhân, đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, Ng vụ liên quan cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, phù hợp với quá trình diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo. Hành vi của bị cáo là bằng thủ đoạn gian dối, đưa ra thông tin sai sự thật, hứa hẹn xin việc giúp người khác dù bị cáo không có khả năng thực hiện việc này nhằm chiếm đoạt của chị G, chị L số tiền 70.000.000đ nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999. Do đó, nhận thấy việc truy tố và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau đối với bị cáo là có căn cứ, đúng quy định. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp; việc bị cáo cho rằng 03 hồ sơ xin việc của Đ, L, Ph1 là bị cáo đưa cho anh Lữ Thanh L1 cùng số tiền 49.000.000đ để L1 xin việc cho Đ vào Sở Tài chính, Thùy L vào Sở Kế hoạch - Đầu Tư, Ph1 vào làm Đăng kiểm Cà Mau nhưng không có gì chứng minh và cũng không ai chứng kiến. Qua đối chất giữa Ng với L1, anh L1 không có nhận hồ sơ và tiền của Ng để xin việc làm cho 03 trường hợp trên. Do đó, bị cáo phải gánh chịu toàn bộ hậu quả do bản thân bị cáo gây ra.

[5] Hành vi của bị cáo gây ra là rất nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật, vi phạm pháp luật hình sự, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa Ph1, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân. Khi bị cáo nhận hồ sơ xin việc và tiền của ông N và anh Ph giao cho, bị cáo phải biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bản thân mình không có khả năng xin việc cho người khác, nhưng bị cáo vẫn cố ý đưa ra thông tin gian dối, vì muốn thu lợi số tiền bất chính mà bị cáo bất chấp thủ đoạn, xem thường pháp luật nên bị cáo phải bị pháp luật nghiêm trị. Vì vậy, cần có mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm đảm bảo tính giáo dục, răn đe, trừng trị và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Tuy nhiên, trong lúc lượng hình, Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết quá trình điều tra cũng như tại tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể

hiện sự ăn năn hối cải; sau khi phạm tội, bị cáo đã bồi thường thiệt hại toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho bị hại; bản thân bị cáo đã có nhiều thành tích xuất sắc trong quá trình công tác, được khen thưởng nhiều bằng khen; cha, mẹ bị cáo là người có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, được Nhà nước tặng thưởng huân chương. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999. Thấy rằng bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự, đồng thời hoàn cảnh bị cáo rất khó khăn, không còn việc làm, có 02 con nhỏ, nhân thân bị cáo tốt. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nhưng vẫn bảo đảm trong khung hình phạt liên kề nhẹ hơn của điều luật nhằm thể hiện sự khoan hồng, chính sách nhân đạo của pháp luật đối với bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo sớm hòa nhập cộng đồng, ổn định cuộc sống và nuôi dạy con cái.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Số tiền bị cáo chiếm đoạt của chị G, chị Mỹ L là 70.000.000đ nhưng bị cáo đã nộp khắc phục 75.000.000đ nên số tiền 5.000.000đ của Ph giao nộp được hoàn trả lại bị cáo là phù hợp.

[8] Đối với hành vi của Huỳnh Thanh Ph nhận 5.000.000đ, dù biết mình không có chức năng xin việc cho Đ nhưng có hành vi chiếm giữ số tiền 5.000.000đ của chị G đưa xin việc cho Đ là vi phạm pháp luật nhưng chưa đủ căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự nên đại diện Viện kiểm sát đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cà Mau ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Ph, đồng thời bản thân Ph cũng thấy mình sai trái nên đồng ý nhận hình thức bị xử phạt hành chính là có cơ sở.

[9] Đối với Hà Hoàng N chỉ nhận hồ sơ và tiền của G nhờ gửi xin việc cho Đ, N đã giao hết cho Ph và Ng, không hưởng lợi từ việc này và cũng không biết Ng gian dối chiếm đoạt số tiền trên nên không đề cập xử lý đối với N là phù hợp. Riêng Lữ Thanh L1 không có căn cứ chứng minh việc nhận hồ sơ và tiền của bị cáo Ng giao để lo chạy việc cho Đ, L, Ph1 nên không có cơ sở xem xét trách nhiệm của L1 trong vụ án này.

[10] Án phí hình sự sơ thẩm buộc bị cáo phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 7 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017; căn cứ điểm e khoản 2 Điều 139, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 1999; căn cứ vào Điều 106; Điều 136 Bộ luật Tổ tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố bị cáo Triệu Hiệp Ng phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Triệu Hiệp Ng 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 21/5/2018.

- Trả lại cho bị cáo số tiền 5.000.000đ, hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau đang quản lý.

- Án phí hình sự sơ thẩm buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (*chưa nộp*).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, anh Ph, anh L1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị G, chị Mỹ L, ông N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, Ng vụ liên quan;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Tp.Cà Mau;
- Cơ quan CSĐT Công an Tp.Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp.Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hứa Minh Hải